TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 131/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 55/2026/TLST-HNGĐ ngày 12/01/2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà N T T T, sinh năm: 2000; Căn cước công dân số 079300033125; địa chỉ: 120/34D T, Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông N Đ D, sinh năm: 2000; Căn cước công dân số 079200014650; địa chỉ: 31 Đường số A, Cư xá B, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi nhận tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự lập ngày 04 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ hôn nhân: Bà N T T T và Ông N Đ D thuận tình ly hôn. giấy chứng nhận kết hôn số 46 do Uỷ ban nhân dân phường B (trước đây là phường A, Quận N) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/10/2024 không còn giá trị pháp lý.

b. Về con chung: Giao trẻ N N T A, sinh ngày: 10/12/2024 cho Bà N T T T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông N Đ D cấp dưỡng nuôi bé N N T A như sau:

- Từ ngày 04/2/2026 đến 10/12/2027: mỗi tháng cấp dưỡng là 4.000.000đồng;

- Từ ngày 11/12/2027 đến 10/12/2030: mỗi tháng cấp dưỡng là 6.000.000 đồng;

- Từ ngày 11/12/2030 đến khi bé N N T A đủ 18 tuổi mỗi tháng cấp dưỡng 9.000.000 đồng.

Việc cấp dưỡng thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, giao trực tiếp cho bà T, bắt đầu thực hiện từ ngày 15/02/2026 cho đến khi phát sinh các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Trường hợp ông D chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì bà T không yêu cầu ông D phải trả lãi trên số tiền chậm trả.

Việc giao nhận con do hai bên tự thực hiện ngay khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ông N Đ D được quyền thăm nom con, không ai được cản trở ông D thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về lệ phí: Bà N T T T và Ông N Đ D phải chịu lệ phí thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được cấn trừ vào số tiền bà T và ông D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003622 ngày 12 tháng 1 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSNDKV3-TP.HCM;
- THADS TP. HCM;
- UBND p. B- Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngân

TAND KHU VỰC 3

3NA120226.TL.QDBA
1072